

Bản án số: **20/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 05 tháng 6 năm 2023

V/v: "*Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung* "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, TP. Đ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Xuân**

- Các hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Thuận**
Bà **Nguyễn Thị Hồng**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phan Đình Vui** - Thư ký Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố Đ tham gia phiên tòa:*
Bà **Phạm Thị Thùy Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 388/2022/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022, về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung* " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 388/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 388/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Cáp Thị Tố T** sinh năm 1975; Địa chỉ: tổ 64 phường H, quận T, thành phố Đ. có mặt

* Bị đơn: Ông **Trần Duy Đ**, sinh năm 1975; Địa chỉ: tổ 64 phường H, quận T, thành phố Đ. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2022 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Cáp Thị Tố T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Duy Đ kết hôn với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 5, thành phố Đ, tỉnh Q hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng bà đã chuyển về tại tổ 64, phường H, quận T, thành phố Đ sinh sống.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, gây gổ vì những bất đồng trong cuộc sống. Nguyên nhân là do ông Đ nợ nần riêng về gây gổ đánh đập vợ con nên bà không thể chịu đựng được tính khí của chồng. Tình cảm vợ chồng ngày càng bất hòa, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hôn nhân bế tắc. Hiện nay, ông Đ bỏ mặc quan tâm đến vợ con. Hai vợ chồng bà sống như ly thân nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Bà Cấp Thị Tổ T xác định ông bà có 02 con chung là Trần Duy Nhật A, sinh ngày 17/8/2001 và Trần Duy Nhật M, sinh ngày 22/01/2018.

Ly hôn, nguyện vọng của bà Trâm là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Duy Nhật M, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung Trần Duy Nhật A đã thành niên nên không đề cập đến

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn ông Trần Duy Đ vắng mặt tại các phiên hòa giải, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Đ về mối quan hệ hôn nhân.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố Đ phát biểu ý kiến như sau:

- Về Tổ Tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; Bị đơn vẫn vắng mặt lần hai đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Trâm

+ Chấp nhận yêu cầu của bà T về việc chấm dứt quan hệ hôn nhân

+ Chấp nhận nguyện vọng của bà T về quyền nuôi con chung Trần Duy Nhật M. Cháu Trần Duy Nhật A đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết. Về cấp dưỡng bà T không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đ thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của bà Cấp Thị Tổ T về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

khi ly hôn" là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn ông Trần Duy Đ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cáp Thị Tổ T và ông Trần Duy Đ xây dựng gia đình với nhau vào vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 5, thành phố Đ, tỉnh Q hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Vợ chồng sau kết hôn phải có nghĩa vụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc chăm lo cho các con tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng ông Đ và bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông Đ làm ăn nợ nần riêng ảnh hưởng đến gia đình. Hiện nay, ông Đ đã bỏ vợ con đi nơi khác ở từ khoảng nửa năm trước và giấu địa chỉ, không cho vợ con liên lạc.

Xét thấy việc mâu thuẫn tồn tại trong đời sống vợ chồng của các đương sự là có thật, phù hợp với xác minh tại địa phương cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Trên thực tế hai vợ chồng không còn chung sống với nhau. Tại phiên tòa hôm nay, bà T kiên quyết xin ly hôn. Ông Đ dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng cố tình vắng mặt cho thấy ông của ông Đ không coi trọng cuộc hôn nhân của mình, không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về con chung: Bà T và ông Đ có 02 con chung là Trần Duy Nhật A, sinh ngày 17/8/2001 và Trần Duy Nhật M, sinh ngày 22/01/2018.

Ly hôn, nguyện vọng của bà T là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Duy Nhật M, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng của bà T về việc được trực tiếp nuôi cháu Trần Duy Nhật M, sinh ngày 22/01/2018, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng thì thấy: Quá trình Tòa giải quyết hồ sơ không ghi nhận ý kiến của ông Đ. Đồng thời hiện nay xác minh cho thấy ông Đ không thường xuyên ở nhà không thể chăm lo cho con nên việc giao con cho bà T là phù hợp nên HĐXX chấp nhận nguyện vọng của bà T về nuôi con chung. Đối với con chung Trần Duy Nhật A đã thành niên nên không đề cập đến

[3.3]. Về tài sản chung và nợ chung: bà Cáp Thị Tổ T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nguyên đơn bà Cáp Thị Tổ T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:

326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cáp Thị Tố T đối với ông Trần Duy Đ về việc " *Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung* ". Cho bà Cáp Thị Tố T được ly hôn với ông Trần Duy Đ.

2. Về con chung: Bà T và ông Đ có 02 con chung là Trần Duy Nhật A, sinh ngày 17/8/2001 và Trần Duy Nhật M, sinh ngày 22/01/2018.

- Giao con Trần Duy Nhật M, sinh ngày 22/01/2018 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Cháu Trần Duy Nhật A đã thành niên nên không đề cập đến

3. Tài sản chung, nợ chung: không có

4. **Án phí:** Bà Cáp Thị Tố T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0008684 ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đ; Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/6/2023. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS Q. T;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân

Nơi nhận:

- Tòa án ND thành phố Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát ND TP Đà Nẵng;
- VKSND quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường Hòa Hiệp Nam,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê - Đà Nẵng;
- THADS quận Thanh Khê - Đà Nẵng;
- UBND phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TPĐN.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lưu Thị Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê - Đà Nẵng;
- THADS quận Thanh Khê - Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Hằng

